TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 365A/2023/DS-PT
Ngày 29/8/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2616/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị Hồ Thị Tuyết H, sinh năm 1999, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Công V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn K, sinh năm 1958;

2. Bà Đỗ Thị Á, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Văn K, bà Đỗ Thị Á có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2023 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2021, vợ chồng bị đơn ông Huỳnh Công V và bà Lê Thị Tố Q có vay của ông số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 31/5/2021 đến ngày 31/7/2021, lãi suất 1%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 1.800.000 đồng. Hai bên đã lập biên nhận vào ngày 31/5/2021. Do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên vợ chồng bà Q, ông V cho rằng khó khăn về kinh tế nên không có trả lãi cho ông.

Trong quá trình vay, ông có nhiều lần đến nhà bị đơn yêu cầu đóng lãi nhưng bị đơn hứa hẹn xin thời gian do tình hình dịch bệnh. Ngày 12/9/2021, vợ chồng ông V và bà Q tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 22/9/2021 trả, lãi suất 1%/tháng, mỗi tháng trả lãi 300.000 đồng. Hai bên lập biên nhận ngày 12/9/2021.

Lúc đi vay cả hai vợ chồng ông V và bà Q cùng đi nhưng chỉ bà Q đại diện ký tên vào biên nhận nợ, vì tin tưởng vợ chồng bà Q là công chức nhà nước nên ông đã đồng ý để một mình bà Q ký tên, mục đích vay tiền là chăm lo phát triển kinh tế gia đình.

Sau khi vay tiền của nguyên đơn được 12 ngày thì bà Q chết đột ngột. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Q có cha mẹ ruột bà Q là ông Lê Văn K, bà Đỗ Thị Á và chồng là ông Huỳnh Công V, bà Q có con nhưng con còn nhỏ. Khi bà Q đột ngột chết thì ông có đến gặp ông V nhiều lần để yêu cầu trả tiền, ông V hứa hẹn nhưng không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công V phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 210.000.000 đồng.

Trước đây, trong quá trình tố tụng ông có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu ông V trả cho ông số tiền 105.000.000 đồng. Yêu cầu ông V và cha mẹ bà Q là ông K, bà Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Q là 105.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông rút lại yêu cầu này chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc

ông Huỳnh Công V trả số tiền vay là 210.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện ngày 06/12/2021.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Công V trình bày:

Ông không biết ông Nguyễn Thành L là ai, ông chưa lần nào gặp mặt ông L, nay ông L cho rằng ông có cùng vợ ông (bà Q) đến nhà ông L vay và nhận tiền 02 lần vào các ngày 31/5/2021 và ngày 12/9/2021 là hoàn toàn không có. Ông không có vay hay nhận tiền từ ông L nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Ông L cho rằng nợ này trong thời kỳ hôn nhân, bà Q vợ ông vay để chăm lo phát triển kinh tế gia đình là không đúng. Khi bà Q còn sống, ông không nghe vợ nói có vay tiền của ai. Nay bà Q chết rồi và kết luận giám định biên nhận nợ là chữ ký của bà Q thì ông cũng không biết bà Q vay tiền để làm gì. Việc ông L yêu cầu ông và cha mẹ bà Q phải trả số tiền 105.000.000 đồng thì ông cũng không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K và bà Đỗ Thị Á cùng trình bày:

Lê Thị Tố Q là con ruột của ông bà. Bà Q là công chức làm việc tại UBND xã M. Ngoài công việc tại UBND xã M thì ông bà không thấy bà Q có làm nghề gì thêm và cũng không nghe bà Q nói có làm ăn gì thêm. Vợ chồng bà Q, ông V làm việc nhà nước, sống bên quê chồng ở M ít khi về nhà ông bà. Nay ông Nguyễn Thành Linh k cho rằng bà Q vay tiền ông khi bà Q còn sống, ông bà cũng không biết ông L này là ai. Tiền bà Q vay mượn thế nào và mượn làm gì thì vợ chồng ông bà không biết. Nay vợ chồng ông bà đã già không có khả năng lao động để tạo ra tiền nên ông bà không có khả năng trả tiền nợ thay cho bà Q. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vắng mặt ông bà trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu bị đơn Huỳnh Công V trả số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Thành L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày ông có cho vợ chồng bà Q, ông V vay số tiền tổng cộng là 210.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận ngày 31/5/2021 vay với số tiền là 180.000.000 đồng và biên nhận ngày 12/9/2021 vay với số tiền là 30.000.000 đồng do bà Q ký tên. Theo kết luận giám định số 634/KL – KTHS ngày 20/02/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C đã kết luận chữ ký ghi tên Lê Thị Tố Q trong 02 biên nhận nợ ngày 31/5/2021 và ngày 12/9/2021 so với các chữ ký mẫu trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra nên có đủ căn cứ xác định bà Q có vay ông Nguyễn Thành L số tiền là 210.000.000 đồng.

Ông L cho rằng số tiền vay này là ông V và bà Q cùng đi vay, cùng nhận tiền của ông L nên yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ trả vì nay bà Q đã chết. Trong khi đó, ông V cho rằng ông không biết ông L là ai, ông không có nhận số tiền nào từ ông L, ông không biết bà Q vay tiền ông L và sử dụng tiền vay để làm gì nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét thấy, nguyên đơn cho rằng số tiền bà Q vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà Q vay số tiền này để chăm lo phát triển kinh tế gia đình nên là nợ chung của vợ chồng nhưng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà Q dùng tiền vay để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, cũng như

chứng minh được ông V có tham gia vào giao dịch vay tiền và sử dụng tiền vay để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc để phát triển kinh tế chung của gia đình theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu ông Huỳnh Công V có nghĩa vụ trả số tiền 210.000.000 đồng mà bà Q đã vay là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, do nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006461 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 466, 468, 615 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu bị đơn Huỳnh Công V trả số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thành L về việc buộc ông Huỳnh Công V, ông Lê Văn K, bà Đỗ Thị Á thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

3. Chi phí giám định 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ông Nguyễn Thành L phải chịu và đã thanh toán xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003621 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Ông Nguyễn Thành L còn phải nộp số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006461 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng